

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2026/HS-PT
Ngày 16 - 7 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy Lam

Các Thẩm phán: Ông Văn Thanh Gia

Ông Nguyễn Văn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2026/TLPT-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo Phạm Ngọc A và Lê Thị H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2026/HS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Ngọc A, sinh ngày 14/4/1967 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052067008719; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm H1 (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); vợ: Đào Thị Kim C, sinh năm 1982; con: Không có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị H, sinh ngày 15/8/1976 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052176008450; nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường H, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T1 (chết) và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1939; chồng: Phạm Thanh L, sinh năm 1976 (đã ly hôn); con: Có 02 con, sinh năm 1995 và sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 03/6/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã Hoà Nhon, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai) xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”; đã chấp hành xong hình phạt ngày 08/4/2022.

- Ngày 31/12/2023, bị Trưởng Công an thị xã H, tỉnh Bình Định (cũ) xử phạt hành chính 3.500.000 đồng về hành vi bán số lô, số đề giao lại cho người khác để hưởng hoa hồng; đã nộp phạt xong ngày 03/01/2024.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Phạm Ngọc A: Ông Hồ Văn H2 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G. (Có mặt)

Ngoài ra, còn có các bị cáo Nguyễn T3 và Nguyễn Thị Thanh T4 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 04/8/2025, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thanh T4 và Lê Thị H tập trung tại trại trồng tiêu của Nguyễn T3 ở tổ dân phố H, phường H, tỉnh Gia Lai để uống bia. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, A nảy sinh ý định đánh bạc thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng dưới hình thức rung xóc bầu cua nên đi bộ về nhà lấy 01 bộ bầu cua đến trại trồng tiêu của T3 để rung cho H, T4 đặt cược. Sau đó, T3 cũng đến tham gia. Khi chơi, Anh mang theo 9.050.000 đồng, sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc, còn 5.050.000 đồng cất trong túi áo; T3 mang theo 2.500.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, còn 2.300.000 đồng cất trong ví; H sử dụng 1.300.000 đồng, T4 sử dụng 185.000 đồng để đánh bạc.

Các bị cáo thỏa thuận hình thức chơi bầu cua như sau: Chủ cái là Phạm Ngọc A sử dụng một đĩa nhôm, tô nhôm đáy kín, bên trong có 03 khối lập phương được làm bằng xốp, mỗi mặt của khối lập phương có dán hình 06 con vật: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai và một bàn giấy có in hình 06 con vật tương ứng. Chủ cái dùng tô nhôm đáy kín trên đĩa nhôm xóc cho 03 khối lập phương nhảy lộn xộn rồi đặt xuống nền, người chơi đặt tiền cược vào các con vật in trên bàn giấy hoặc có thể tả tiền của nhau. Sau đó, chủ cái mở tô nhôm ra, nếu mặt trên cùng của 03 khối lập phương trên đĩa nhôm có con vật phù hợp với hình con vật mà người chơi đặt trên bàn giấy thì chủ cái thua và chung tiền với tỷ lệ trúng 01 hình thì chung 1:1, trúng 02 hình thì chung 1:2, trúng 03 hình thì chung 1:3, nếu hình con vật trên mặt trên của 03 khối lập phương khác với hình con vật mà người chơi đã đặt trên bàn giấy thì chủ cái thắng, người chơi mất toàn bộ số tiền đã đặt cược.

Đến 13 giờ 10 phút cùng ngày, Công an phường H kiểm tra phát hiện, lập biên bản và tạm giữ tổng số tiền A, T3, H và T4 dùng đánh bạc là 5.685.000 đồng. Trong

đó, thu giữ tại chiếu bạc 1.400.000 đồng và thu giữ số tiền dùng để đánh bạc trên tay, trong người các bị cáo 4.285.000 đồng (trong đó: T3 – 100.000 đồng, T4 – 35.000 đồng, H – 1.400.000 đồng, Anh – 2.750.000 đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2026/HS-ST ngày 27/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai đã căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” và căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo T3 và T4, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/01/2026, bị cáo A có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và ngày 30/01/2026, bị cáo H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo A và H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo A, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo A, xử phạt bị cáo A 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo H.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc A đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo A, xử phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Trưa ngày 04/8/2025 tại trại trồng tiêu của Nguyễn T3 ở tổ dân phố H, phường H, tỉnh Gia Lai, sau khi nhậu xong, các bị cáo Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thanh T4, Lê Thị H và Nguyễn T3 đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi bầu cua, thắng thua bằng tiền với tổng số tiền là 5.685.000 đồng.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai đã xét xử các bị cáo A, H, T4 và T3 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo A và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình ăn nhậu, các bị cáo đã bộc phát, nảy sinh hành động rủ nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bầu cua. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc nhằm tạo ra thu nhập bất chính bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đánh bạc của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến lĩnh vực trật

tự công cộng được Nhà nước bảo hộ, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[2.2] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo A cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới mà chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét là vợ bị cáo mắc bệnh tâm thần, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoàn cảnh bị cáo khó khăn, vợ chồng bị cáo không có con và bị cáo là người chăm sóc trực tiếp cho vợ bị cáo; do đó bị cáo Anh được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Đối với bị cáo A: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có tình tiết giảm nhẹ mới mà chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét như đã phân tích nêu trên; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hiện đang điều trị bệnh ung thư, vợ chồng bị cáo không có con, vợ bị cáo là người bị tâm thần, bị cáo là lao động chính trong gia đình và là người đang trực tiếp chăm sóc cho vợ bị cáo; đồng thời, căn cứ Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Từ những phân tích trên, xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo H: Bị cáo là người tham gia chơi, đặt cược thắng thua bằng tiền; mặc dù số tiền đánh bạc của bị cáo không lớn nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xử phạt về tội “Đánh bạc” vào năm 2021 và bị xử phạt hành chính về hành vi bán số lô, số đề giao lại cho người khác để hưởng hoa hồng vào năm 2023 nhưng không lấy đó làm tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội với tội danh trên. Tại cấp phúc thẩm, mặc dù bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác. Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù, mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo A thuộc trường hợp người khuyết tật nên được miễn nộp tiền án

phí hình sự phúc thẩm và do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo A, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo A, xử phạt bị cáo A 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo H là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[6] Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc A đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo A, xử phạt bị cáo A 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Ngọc A.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị H.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc A và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị H. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc A và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Thị H.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc A 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 16/7/2026).

Giao bị cáo Phạm Ngọc A cho Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Xử phạt bị cáo Lê Thị H 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Ngọc A không phải chịu và bị cáo Lê Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 6 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 6, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 6, tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng GD, KT, TT và THA TAND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu: Toà Hình sự, HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Duy Lam